

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 10/07/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn.
2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Nhật L** - Sinh năm 1991.***

- Địa chỉ: Xóm T – Xã Đ – Huyện P – Tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị đơn: Anh **Vi Văn N** - Sinh năm 1986.***

- Địa chỉ: Thôn T - Xã K – Huyện LN – Tỉnh Bắc Giang.

Chị L có mặt, anh Vi Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/03/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật L lời khai của bị đơn anh Vi Văn N và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị Nhật L và anh Vi Văn N kết hôn vào tháng 4 năm 2015. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị L anh N có đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị L anh N về chung sống cùng nhau ngay và ở tại xóm T – Xã Đ – Huyện P - Thái Nguyên. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị L và anh N cho rằng hai vợ chồng sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, có nhiều bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung, ngoài ra chị L còn cho rằng anh N sa đà vào việc chơi bởi không chịu làm ăn dẫn đến nhiều nợ nần. Từ tháng 3/2017 anh N vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo tập trung trong trại giam đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Chị L và anh N chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L, anh N đều xác nhận không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong lời khai của mình anh xác định chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nhật L.

Cho chị Phạm Thị Nhật L được ly hôn với anh Vi Văn N.

Về con chung: Chị L và anh N chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Phạm Thị Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Nhật L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Vi Văn N. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa anh Vi Văn N mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vi Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L anh N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2015 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh N. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị L kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh Vi Văn L, chị đề nghị xin được ly hôn với anh N, anh Vi Văn N đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy chị L, anh Vi Văn N có mâu thuẫn với nhau trong

cuộc sống, do hai bên không quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai bên có liên lạc nítu kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L anh Vi Văn N mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh Vi Văn N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Phạm Thị Nhật L và anh Vi Văn N chưa có con chung. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L anh Vi Văn N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nhật L.

1. Cho chị Phạm Thị Nhật L được ly hôn với anh Vi Văn N.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị Nhật L và anh Vi Văn N chưa có con chung.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003374 ngày 22/5/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã K, huyện LN;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng